

TĂNG CƯỜNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ KHOA HỌC NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG CÁC CƠ QUAN CỦA QUỐC HỘI¹

Bùi Hải Thiêm*

* TS. Viện Nghiên cứu Lập pháp

Thông tin bài viết:

Từ khóa: Quốc hội, nghiên cứu khoa học, quản lý khoa học, công bố khoa học, thể chế quản lý.

Lịch sử bài viết:

Nhận bài : 06/06/2018

Biên tập : 21/06/2018

Duyệt bài : 26/06/2018

Tóm tắt:

Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học có ý nghĩa quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội nói chung và các cơ quan của Quốc hội nói riêng. Sự gia tăng mạnh mẽ về lượng của hoạt động nghiên cứu khoa học hiện chưa phản ánh được sự thay đổi về chất, do đó, cần phải đổi mới hoạt động nghiên cứu khoa học trên nhiều bình diện để có thể nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học. Theo đó, cần tập trung vào năm vấn đề mấu chốt và tám giải pháp cơ bản là công bố khoa học, công bố thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học, sử dụng công nghệ phần mềm chống sao chép, trùng lặp và đạo văn trong các công trình nghiên cứu khoa học, tăng cường kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, đổi mới về thể chế, tổ chức, về nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học và cải cách hành chính trong quản lý khoa học

Article Information:

Keywords: National Assembly; scientific studies; scientific management, scientific publication, management institution.

Article History:

Received : 06 Jun 2018

Edited : 21 Jun 2018

Approved : 26 Jun 2018

Abstract

Enhancement of the quality of the scientific studies is crucial for improvement of the efficiency of performance of the National Assembly in general and of the entities under the National Assembly in particular. The dramatic increase in the quantity of scientific studies does not reflect the change in quality, it is required a renovation to the scientific studies with several aspects so that it would improve the quality of the scientific studies. It should be focused on five key issues and eight fundamental solutions: publication of scientific studies; information publication; development of scientific database; software application for anti-duplication, repetition and plagiarism in scientific studies; enhancement of examination and assessment of implementation process of scientific studies; innovation of institution, organization and human resource of scientific studies; and administrative reform in scientific study management.

¹ Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ Đề án khoa học mã số ĐACB.2017-36 “Hoàn thiện cơ chế QLKH trong các cơ quan của Quốc hội hiện nay” của Viện NCLP.

Mở đầu

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) và quản lý khoa học (QLKH) là hai mặt không thể tách rời của một nhiệm vụ rất quan trọng trong hoạt động thường xuyên của các cơ quan của Quốc hội hiện nay, đóng vai trò quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội nói chung và các cơ quan của Quốc hội nói riêng. Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị ban hành “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật từ nay đến năm 2010, định hướng đến năm 2020” đề cập đến việc thành lập Viện Nghiên cứu Lập pháp (Viện NCLP) như một giải pháp để nâng cao trình độ và năng lực làm luật của Quốc hội xét cho cùng là nhằm mục đích nâng cao chất lượng kết quả NCKH phục vụ cho hoạt động của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội. Thực hiện mục tiêu đó, kể từ khi Viện NCLP được thành lập (2008), hoạt động NCKH đã có sự biến đổi mạnh mẽ về lượng. Tính trong vòng 10 năm qua, Viện NCLP đã quản lý hoặc chủ trì thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước, khoảng 195 đề tài khoa học cấp bộ (bao gồm một Chương trình NCKH cấp bộ triển khai thi hành Hiến pháp 2013) và 125 đề tài khoa học cấp cơ sở². Kinh phí sự nghiệp khoa học được giao cho Viện NCLP quản lý, sử dụng cũng đã tăng đáng kể, thể hiện sự quan tâm, đầu tư lớn của Nhà nước, đặc biệt là của Quốc hội đối với hoạt động NCKH. Tuy nhiên, sự biến đổi về chất trong hoạt động NCKH chưa thực sự theo kịp sự thay đổi về lượng. Những hạn chế trong chất lượng NCKH đã được thể hiện trong nhiều báo cáo và đánh giá khác nhau. Do đó, yêu cầu cấp thiết đặt ra là cần phải đổi mới hoạt động NCKH trên nhiều bình diện để có thể nâng cao chất lượng NCKH, và đi cùng với nó là hoạt động QLKH có tính định hướng và điều chỉnh hoạt động NCKH đạt được những mục tiêu được xác định, xây dựng và phát triển một hệ thống tri thức khoa học phục vụ cho hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội. Để đạt được mục tiêu đó, cần xác định rõ hệ thống quan điểm, giải

pháp cho việc nâng cao chất lượng NCKH và QLKH. Hoạt động NCKH và hoạt động QLKH trong khối các cơ quan của Quốc hội là hai mặt không thể tách rời nhau, luôn song hành với nhau. Nâng cao chất lượng, hiệu quả QLKH vừa là tiền đề vừa tạo động lực cho hoạt động NCKH và ngược lại. Đây là mối quan hệ biện chứng, tương tác lẫn nhau.

1. Một số vấn đề có tính chất quyết định đến việc nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và quản lý khoa học trong khối các cơ quan của Quốc hội

Trong những năm qua, hoạt động NCKH và QLKH trong các cơ quan của Quốc hội luôn bám sát các yêu cầu, định hướng được đề ra trong các Nghị quyết của Đảng, tuân thủ các quy định của Luật Khoa học và Công nghệ (KH&CN) cũng như các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng NCKH, phục vụ tốt hơn và trực tiếp hơn cho Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội, một số vấn đề mấu chốt sau đây cần phải được phân tích thấu đáo và thống nhất thực hiện.

Vấn đề đầu tiên là việc gắn kết chặt chẽ giữa các yêu cầu đặt hàng, xác định nhu cầu NCKH và việc tổ chức sản xuất ra các sản phẩm khoa học đáp ứng yêu cầu đặt hàng. Các cơ quan có thẩm quyền đặt hàng đề xuất nhiệm vụ khoa học đóng vai trò quan trọng trong việc đặt nền tảng cho việc tăng cường chất lượng NCKH. Do đó, cần phải gắn các nhiệm vụ NCKH với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban thường vụ Quốc hội (UBTVQH), Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan của UBTVQH và các Đoàn Đại biểu Quốc hội (sau đây gọi chung là các cơ quan trong Quốc hội) hoặc yêu cầu, giao nhiệm vụ của Đảng đoàn Quốc hội, Lãnh đạo Quốc hội. Các nhiệm vụ khoa học được phê duyệt phải có căn cứ xác đáng bằng văn bản xuất phát từ đề xuất của các cơ quan nói trên, tạo ra các yêu cầu đặt hàng về nhiệm vụ khoa học. Hiện nay, việc xét duyệt các đề xuất đăng ký nhiệm vụ mặc dù được thông qua

2 Số liệu thống kê qua các năm từ 2008-2018, riêng số liệu của năm 2018 mang tính dự kiến.

Hội đồng khoa học nhiều lần nhưng chủ yếu phụ thuộc vào người đề xuất, đăng ký, chưa bám sát theo hướng nghiên cứu và đặt hàng yêu cầu, mục tiêu của cơ quan sử dụng kết quả nghiên cứu để lựa chọn đúng nơi thực hiện, vì thế nhiều khi không xuất phát từ nhu cầu thực của các cơ quan trong Quốc hội mà tùy thuộc vào cá nhân những người đề xuất. Chính các cơ quan này là người sử dụng kết quả NCKH nên là những người đánh giá kết quả đó có hữu ích cho công việc của mình đến đâu. "Những nghiên cứu đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn thì sẽ không thể để trong ngăn kéo, mà cung cấp luận cứ khoa học trở thành lý luận soi đường cho công cuộc đổi mới, trở thành những sản phẩm có tính ứng dụng cao"³, bởi lẽ qua nghiên cứu, đội ngũ cán bộ nghiên cứu có cơ hội cập nhật kiến thức, rèn luyện kỹ năng, nâng cao trình độ, góp phần làm cho kết quả nghiên cứu ứng dụng được trong thực tế.

Vấn đề thứ hai là thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động NCKH. Theo đó, cần thực hiện đổi mới đồng bộ cơ chế tài chính đối với các đơn vị KH&CN theo hướng tăng cường phân cấp và tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và trong sử dụng nguồn lực tài chính KH&CN⁴. Trên cơ sở đó, có sự tách bạch rạch ròi trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học với Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học trong khối Quốc hội. Hiện nay, trong Quốc hội, chỉ có duy nhất Viện NCLP là cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học (cấp bộ và cấp cơ sở), đồng thời lại là Tổ chức chủ trì đối với 100% các nhiệm vụ khoa học nên việc thực hiện 2 trong 1 các chức năng cả chủ quản và chủ trì đặt ra nhiều khó khăn, vướng mắc trên thực tế, đặc biệt là vấn đề xung đột lợi ích. Đây là quan điểm tách chức năng quản lý nhà nước ra khỏi hoạt động trực tiếp sản xuất ra sản phẩm khoa học

(hoạt động NCKH), có ý nghĩa chiến lược đối với việc tăng hiệu lực, hiệu quả của công tác QLKH cũng như bảo đảm chất lượng sản phẩm NCKH.

Để "hiện thực hóa thiết chế tự chủ trong hệ thống KH&CN Việt Nam" có tác giả cho rằng⁵, cần thiết phải: (1) Nhà nước không trực tiếp thực hiện hoạt động KH&CN, Nhà nước chỉ thực hiện vai trò quản lý nhà nước đối với hoạt động KH&CN; (2) Nhiệm vụ KH&CN phải do chủ thể hoạt động KH&CN chủ động đề xuất và tổ chức thực hiện, Nhà nước có thể xem xét, tài trợ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ KH&CN; (3) Chủ thể hoạt động KH&CN được quyền tự chủ trong việc quản lý, sử dụng tài chính từ mọi nguồn tài trợ để thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Quan điểm này xuất phát từ chủ trương đổi mới cơ chế tài chính và quản lý hoạt động khoa học - công nghệ được khẳng định trong Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 Hội nghị Trung ương 6 khóa XI của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế. Nghị quyết này đã nêu việc xây dựng cơ chế đặc thù trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) để thực hiện nhiệm vụ KH&CN nhằm giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN; mở rộng áp dụng cơ chế tài chính của quỹ phát triển KH&CN là cơ hội rất lớn để tổ chức KH&CN trong Quốc hội thoát ra khỏi cơ chế ràng buộc, phân bổ mang tính dự toán như trước đây nhằm khai thác tiềm lực nguồn nhân lực về khoa học - công nghệ của các cơ quan của Quốc hội. Luật KH&CN năm 2013 cũng đã và đang khuyến khích hoạt động NCKH trong toàn hệ thống chính trị, trong đó có các cơ quan của Quốc hội.

3 Phùng Văn Hiền (2017) *Một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động NCKH trong các cơ sở giáo dục đại học*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 4/2017

4 Nguyễn Trường Giang (2013) *Đổi mới cơ chế tài chính đối với khoa học, công nghệ*, Tạp chí Tài chính, số 1/2013.

5 Đinh Việt Bách (2017), *Hiện thực hóa thiết chế tự chủ trong hệ thống KH&CN Việt Nam*, Luận án TS thực hiện tại Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vấn đề quan trọng thứ ba là bảo đảm đạo đức học thuật, sự liêm chính, trung thực trong NCKH. Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học là người trước hết phải chịu trách nhiệm toàn bộ về đạo đức nghiên cứu, sự liêm chính học thuật trong các sản phẩm của mình. Cần phải nêu cao tinh thần liêm chính, tính mới trong NCKH, giải quyết căn cơ tình trạng sao chép, trùng lặp các sản phẩm khoa học.

Thứ tư, kiểm tra, đánh giá là khâu then chốt bảo đảm chất lượng NCKH. Rất cần thiết phải "nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra và đánh giá định kỳ kết quả hoạt động KH&CN; đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu và hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn để đảm bảo chất lượng và hiệu quả hoạt động KH&CN. Bên cạnh đó, đẩy mạnh tổ chức đánh giá độc lập kết quả NCKH và phát triển công nghệ của các tổ chức KH&CN"⁶.

Thứ năm, Hội đồng khoa học của UBND, Hội đồng khoa học của Viện NCLP và các Hội đồng tư vấn KH&CN được thành lập theo pháp luật về khoa học công nghệ (gồm có 03 loại Hội đồng: (1) Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN, (2) Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN, (3) Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN) đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong việc bảo đảm chất lượng NCKH. UBND đã thành lập Hội đồng khoa học với Viện NCLP là cơ quan thường trực để giúp UBND trong việc chỉ đạo xây dựng và chỉ đạo việc tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động KH&CN; điều hòa, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc UBND và Văn phòng Quốc hội. Các thành viên Hội đồng khoa học đã trực tiếp làm Chủ nhiệm nhiều đề tài khoa học hoặc tham gia làm thành viên chính cũng như tham gia các Hội đồng tư vấn KH&CN ở các vai trò khác nhau (Chủ tịch, Ủy viên phản biện và Ủy viên). Do đó, Hội đồng khoa học của UBND, Hội đồng khoa học của Viện NCLP và Hội

đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN phải nêu được rõ yêu cầu đặt hàng, tên, mục tiêu và mô tả sản phẩm khoa học cần đạt, làm căn cứ cho các Hội đồng sau này và đơn vị quản lý nhiệm vụ theo dõi, đánh giá quá trình thực hiện và kết quả cuối cùng. Cần phải bảo đảm tính độc lập, khách quan của các thành viên phản biện trong Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN và Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN. Thành viên phản biện trong các Hội đồng này nhất thiết không được là người công tác trong tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học. Việc lựa chọn người là Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học cần phải có bằng chứng xác đáng, rõ ràng về trình độ và kinh nghiệm NCKH trong lĩnh vực liên quan. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN chịu trách nhiệm về việc lựa chọn Chủ nhiệm nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu về điều kiện tiêu chuẩn chung cũng như yêu cầu cụ thể của từng nhiệm vụ khoa học.

2. Kiến nghị về các giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và quản lý khoa học trong khối các cơ quan của Quốc hội

Đứng trước những vấn đề mấu chốt như đã phân tích ở trên, chúng tôi đưa ra kiến nghị về một số giải pháp cơ bản để khắc phục các nhược điểm, nâng cao chất lượng NCKH trong các cơ quan của Quốc hội như sau:

Thứ nhất, *giải pháp về công bố khoa học*: cần xác định rõ định mức sản phẩm cụ thể gắn với nhiệm vụ khoa học đã được phê duyệt và *chế tài phù hợp* để tạo ra các công trình nghiên cứu có chất lượng.

Mỗi Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học cấp bộ phải có ít nhất 02 hai bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học có uy tín trong ngành, lĩnh vực quốc gia hoặc 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín thuộc Danh mục ISI hoặc SCOPUS. Tạp chí khoa học đó phải có trong danh mục tạp chí uy tín quốc gia được Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước công nhận hoặc Danh mục tạp chí khoa học uy tín do Quỹ KH&CN quốc gia thuộc Bộ KH&CN

6 Nguyễn Trường Giang (2013) *Đổi mới cơ chế tài chính đối với khoa học, công nghệ, ttdđ.*

công bố. Bài báo khoa học được công bố phải có phần chú thích ghi rõ là kết quả của công trình nghiên cứu thuộc nhiệm vụ khoa học có thông tin mã số và quyết định phê duyệt của cơ quan chủ quản nhiệm vụ (Viện NCLP). Nếu không có thông tin chú thích này, coi như bài báo không liên quan gì đến kết quả của đề tài và chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

Mỗi Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở phải có ít nhất một bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học thuộc ngành, lĩnh vực đó. Bài báo khoa học được công bố của nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở cũng phải có phần chú thích ghi rõ là kết quả của công trình nghiên cứu thuộc nhiệm vụ khoa học có thông tin mã số và quyết định phê duyệt của cơ quan chủ quản nhiệm vụ (Viện NCLP). Nếu không có thông tin chú thích này, coi như bài báo không có liên quan gì đến kết quả của đề tài và chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

Do yêu cầu thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học gắn với năm tài chính và các thủ tục tài chính, trong khi việc xuất bản khoa học không dễ dàng thực hiện ngay trong quá trình triển khai nhiệm vụ, nên cần có một khoảng cách thời gian nhất định kể từ khi có kết quả nghiên cứu bước đầu cho đến khi công bố bài báo khoa học. Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học có thời hạn 12 tháng kể từ khi kết thúc thời hạn ghi trên hợp đồng nghiên cứu để thực hiện nghĩa vụ công bố bài báo khoa học là kết quả của đề tài khoa học. Khuyến khích Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học công bố kết quả khoa học càng sớm càng tốt và là tiêu chí để tính điểm thưởng khi người đó đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học mới hoặc đăng ký được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học mới.

Điều quan trọng để thực hiện được giải pháp có tính quy phạm này là chế tài đi kèm và tính nghiêm túc, nhất quán trong việc thực thi chế tài. Chế tài được đề nghị là sau 12 tháng kể từ ngày kết thúc hợp đồng nghiên cứu mà Chủ nhiệm đề tài chưa nộp được bản sao bài báo khoa học trên tạp chí khoa học uy tín có chú thích rõ ràng về kết quả của

nhiệm vụ khoa học (trong trường hợp không có bài báo hoặc bài báo đăng trên tạp chí khoa học không thuộc danh mục được Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước công nhận hoặc Danh mục tạp chí khoa học uy tín do Quỹ KH&CN quốc gia thuộc Bộ KH&CN công bố đối với Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học cấp bộ) thì đơn vị tham mưu về công tác QLKH (Ban QLKH) phải trình Cơ quan chủ quản nhiệm vụ ra văn bản xác định Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học không hoàn thành trách nhiệm công bố khoa học, do đó không được tham gia đăng ký tuyển chọn hoặc không được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học trong vòng 02 năm tiếp theo. Cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học và đơn vị tham mưu cần thực hiện nghiêm biện pháp chế tài này, thường xuyên báo cáo Hội đồng khoa học của UBND tỉnh về tình hình công bố khoa học của các Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học trong các cơ quan của Quốc hội. Trong trường hợp Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học bị xác định là không hoàn thành trách nhiệm công bố khoa học mà nhiệm vụ khoa học đã được Hội đồng nghiệm thu chính thức đánh giá, xếp loại là xuất sắc thì mức độ xếp loại sẽ bị hạ xuống một bậc thành khá. Ban QLKH tham mưu, trình cơ quan chủ quản ra văn bản xác định lại mức độ xếp loại của nhiệm vụ và điều chỉnh thông tin trong cơ sở dữ liệu có liên quan.

Thứ hai, *giải pháp về công bố thông tin*: Cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học (Viện NCLP) phải thường xuyên công bố thông tin về tình hình các Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học thực hiện việc đăng bài tạp chí khoa học trên website của mình và Công thông tin điện tử Quốc hội. Viện NCLP cần đề nghị Lãnh đạo Văn phòng Quốc hội tạo điều kiện cho phép mở một mục thông tin về Hoạt động NCKH trong các cơ quan của Quốc hội trên Công thông tin điện tử Quốc hội, trong đó công bố rõ Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học này đã hoàn thành nhiệm vụ công bố khoa học (ghi rõ thông tin về sản phẩm đã được công bố: tạp chí nào, số mấy, tên bài báo...) và Chủ nhiệm nhiệm vụ nào chưa hoàn thành trách nhiệm công bố khoa học. Cơ sở dữ liệu thông tin này phải được Ban QLKH thường xuyên cập nhật. Nội dung văn bản xác định

Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học không hoàn thành trách nhiệm công bố khoa học phải được đăng công khai trên Công thông tin điện tử của Viện NCLP và của Quốc hội để theo dõi, giám sát. Thông tin về nhiệm vụ khoa học từ khi được phê duyệt đến khi được nghiệm thu, thanh lý cũng cần được công bố một cách đầy đủ, nhất quán ngay từ khi có kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học trên Công thông tin điện tử của Viện NCLP và của Quốc hội.

Thứ ba, *giải pháp về xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học* trong các cơ quan Quốc hội và có tính liên thông với cơ sở dữ liệu khoa học quốc gia do Cục Thông tin khoa học công nghệ thuộc Bộ KH&CN quản lý. Giải pháp này gắn chặt với việc đưa vào sử dụng và vận hành có hiệu quả phần mềm QLKH. Chú trọng việc phổ biến sử dụng phần mềm QLKH sẽ giải quyết căn cơ vấn đề hệ thống thông tin quản lý (MIS) trong hoạt động QLKH, giúp hoạt động này đi vào bài bản, nề nếp, chính xác và đáng tin cậy hơn.

Thứ tư, *giải pháp sử dụng công nghệ phần mềm chống sao chép, trùng lặp và đạo văn trong các công trình NCKH*. Khi nhận được các sản phẩm của nhiệm vụ khoa học, Ban QLKH tiến hành kiểm tra, đối chiếu sản phẩm với phần mềm chống sao chép, đạo văn kết hợp với sử dụng các thao tác nghiệp vụ QLKH để xác định tình trạng sao chép, trùng lặp. Khi phần mềm cho kết quả về mức độ trùng lặp, sao chép vượt quá mức cho phép hoặc kết quả thao tác nghiệp vụ cho thấy sản phẩm đề tài có mức độ sao chép, trùng lặp lớn, Ban QLKH phải báo cáo bằng văn bản với Viện trưởng Viện NCLP để ra văn bản yêu cầu Chủ nhiệm nhiệm vụ khắc phục ngay. Nếu Chủ nhiệm nhiệm vụ không khắc phục hoặc gửi lại sản phẩm chỉnh sửa vẫn không đạt yêu cầu, Ban QLKH không xác nhận đạt yêu cầu đối với sản phẩm. Tùy vào quy mô, mức độ nghiêm trọng của vấn đề sao chép, trùng lặp, Ban QLKH tham mưu, trình Viện trưởng Viện NCLP không thanh toán từng phần tương ứng hoặc ra quyết định đình chỉ thực hiện nhiệm vụ, thu hồi kinh phí.

Thứ năm, *giải pháp về tăng cường kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện*

nhiệm vụ khoa học. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kết hợp với cơ chế đánh giá độc lập, tư vấn, phản biện, giám định xã hội đối với hoạt động khoa học là hoạt động quan trọng để bảo đảm chất lượng nhiệm vụ khoa học. Đây là tinh thần đã được quán triệt rõ trong Nghị quyết 20 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI ngày 01/11/2012. Theo tinh thần đó, phải kiểm tra đánh giá định kỳ hàng năm và kết hợp với kiểm tra, đánh giá đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ.

Đối với nhiệm vụ khoa học cấp bộ, phải kiểm tra, đánh giá ít nhất hai lần trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Đối với nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở, phải kiểm tra, đánh giá ít nhất một lần trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Cơ quan chủ quản nhiệm vụ phải thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá. Thành phần Đoàn bao gồm đại diện lãnh đạo của cơ quan chủ quản (Viện NCLP), đại diện lãnh đạo Văn phòng Viện NCLP hoặc đại diện lãnh đạo Phòng Kế hoạch - Tài chính, lãnh đạo và chuyên viên Phòng Quản lý nghiệp vụ và các thành viên khác theo đề nghị của Trưởng ban QLKH. Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học phải gửi báo cáo bằng văn bản trước tới Đoàn kiểm tra, đánh giá thông qua Ban QLKH và phải có mặt hoặc cử đại diện có thẩm quyền đến cuộc làm việc với Đoàn kiểm tra, đánh giá về các kết quả đã đạt được, những nội dung công việc chưa hoàn thành, về kế hoạch tiến độ thực hiện, báo cáo những khó khăn, vướng mắc gặp phải và đưa ra các kiến nghị cụ thể.

Sáu là *giải pháp về thể chế, tổ chức*. Để thực hiện nhất quán chủ trương tách chức năng quản lý nhà nước ra khỏi hoạt động sản xuất trực tiếp sản phẩm khoa học (NCKH), cần có lộ trình phân tách vai trò chủ trì nhiệm vụ khoa học ra khỏi vai trò chủ quản nhiệm vụ khoa học. Đối với các nhiệm vụ khoa học do Viện NCLP là cơ quan chủ quản, cần xây dựng lộ trình sớm giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc có chức năng của tổ chức KH&CN làm Tổ chức chủ trì. Trước mắt, yêu cầu các đơn vị trực thuộc có đủ điều kiện là Tổ chức KH&CN theo luật định bắt buộc phải làm thủ tục và lấy giấy chứng nhận tổ

chức KH&CN, từ đó có thể dần đóng vai trò Tổ chức chủ trì. Hiện nay, trong số 05 đơn vị trực thuộc Viện NCLP, mới chỉ có duy nhất Trung tâm NCKH lập pháp có Giấy chứng nhận là Tổ chức KH&CN, có con dấu và tài khoản riêng, tuy nhiên chưa đứng ra làm Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học nào. Bước đầu tiên trong lộ trình này là cần phải giao cho tổ chức KH&CN trực thuộc Viện NCLP chủ trì các nhiệm vụ khoa học do các thành viên của đơn vị đó làm Chủ nhiệm nhiệm vụ.

Bây là *giải pháp về nguồn nhân lực NCKH*. Để nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH trong các cơ quan của Quốc hội thì các cán bộ nghiên cứu - chủ thể của hoạt động này phải được tăng cường năng lực và kỹ năng nghiên cứu cũng như thay đổi cách thức NCKH theo hướng giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra, các vấn đề nảy sinh đòi hỏi phải giải quyết qua quá trình nghiên cứu để tạo ra sản phẩm có tính ứng dụng và khả thi, được các cơ quan trong Quốc hội sử dụng. Cần tổ chức ứng dụng sản phẩm khoa học đã nghiệm thu, cụ thể là vào các dự án

luật, nghị quyết hoặc các đề án và chỉ rõ địa chỉ ứng dụng, tiến tới có xác nhận cụ thể của cơ quan sử dụng kết quả NCKH.

Tám là *giải pháp về cải cách hành chính trong QLKH*: để thúc đẩy NCKH trong các cơ quan của Quốc hội thì các chính sách, thể chế cũng cần đổi mới theo hướng xóa bỏ các rào cản hành chính để giảm thời gian làm thủ tục giấy tờ, tạo động lực thu hút cán bộ nghiên cứu say mê với khoa học; cần bảo đảm tính công bằng và minh bạch trong xét duyệt đề tài nghiên cứu và xem xét lại quy trình nghiệm thu đề tài với mục tiêu là hiệu quả nghiên cứu. Cải tiến thủ tục xét duyệt đề tài theo hướng đặt hàng, đấu thầu, khoán kinh phí theo kết quả đầu ra và công khai, minh bạch chi phí, kết quả nghiên cứu. Đặc biệt phải có sự liên kết các cơ quan sử dụng kết quả nghiên cứu (các cơ quan của Quốc hội) và Tổ chức KH&CN (Viện NCLP) trên cơ sở giao quyền sở hữu kết quả NCKH, công nghệ có sử dụng NSNN cho tổ chức, cá nhân chủ trì nghiên cứu, đồng thời có cơ chế phân chia lợi ích hợp lý giữa các bên. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31-10-2012 Hội nghị Trung ương 6 khóa XI của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị ban hành "Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật từ nay đến năm 2010, định hướng đến năm 2020"*,
3. Quốc hội: *Luật KH&CN số 29/2013/QH13*.
4. Chính phủ: *Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27-01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN*
5. Bộ KH&CN: *Thông tư 40/2014/TT-BKH&CN ngày 18-12-2014 quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ KH&CN tiềm năng do Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia tài trợ*.
6. Bộ Tài chính và Bộ KH&CN: *Thông tư liên tịch 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN ngày 22/4/2015 Hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN*.
7. Bộ KH&CN và Bộ Tài chính: *Thông tư liên tịch 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 22/4/2015 Quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN*.
8. Bộ KH&CN: *Thông tư số 07/2014/TT-BKH&CN ngày 26/5/2014 qui định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng NSNN*.
9. Bộ KH&CN: *Thông tư số 08/2017/TT-BKH&CN ngày 26/6/2017 qui định tuyển chọn, giao tục tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng NSNN*.
10. Đinh Việt Bách (2017), "*Đổi mới cơ chế tài chính trong hoạt động KH&CN*", Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn (2b), tr. 316-326.
11. Đinh Việt Bách (2017), "*Hiện thực hóa thiết chế tự chủ trong hệ thống KH&CN Việt Nam*", Luận án Tiến sĩ thực hiện tại Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Nguyễn Trường Giang (2013) *Đổi mới cơ chế tài chính đối với khoa học, công nghệ*, Tạp chí Tài chính, số 1/2013.
13. Phùng Văn Hiền (2017) *Một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động NCKH trong các cơ sở giáo dục đại học*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 4/2017.